

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 13-12-2017.

“V/v tranh chấp về hôn
nhân và gia đình - ly hôn, nuôi
con và chia tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hoàng.
2. Ông Nguyễn Viết Thanh.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phụng.

Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

Ngày 13/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 508/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2017 về “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con, chia tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78A/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Thúy N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà A, tổ B, ấp C, xã D, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Phước H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số X, ấp Y, xã Z, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Số X, ấp Y, xã Z, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị Lê Thị Thúy N, anh Nguyễn Phước H có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Thúy N trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Phước H kết hôn thành 9/2013, hôn nhân có tìm hiểu trước khoảng một năm, có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh Đông, thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc), tỉnh Đồng Tháp vào ngày 18/11/2013. Thời gian đầu, chị N và anh H chung sống hạnh phúc tại ấp 1, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Từ lúc chị N mang thai và sau khi sinh con, anh H thường đi uống rượu và hát karaoke từ đêm đến sáng không về nhà, không quan tâm và lo lắng cho vợ con. Đặc biệt trong khoảng thời gian sau tết nguyên đán năm 2017, anh H hay ghen tuông vô cớ, Nều lần chửi chị N và dùng những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm đến cha mẹ chị N, anh H thường xuyên gây sự làm cho gia đình bất hòa, không êm ấm. Đến tháng 3/2017, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến mức không thể hàn gắn tình cảm được nên vợ chồng không sống chung từ đó đến nay. Chị N nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể duy trì thêm nữa, nếu tiếp tục sống chung sẽ làm khổ cho chị N, anh H và con chung của anh chị. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phước H.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 06/6/2014, hiện con chung đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị N không đồng ý giao con chung cho anh H nuôi. Nếu buộc giao con chung cho anh H nuôi, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm 01 xe gắn máy hiệu Airblack, màu trắng, biển số 66P1-81702, trị giá 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng), trong số tiền dùng để mua xe có 10.000.000 đồng là tiền riêng của chị N, xe do chị N đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, xe do anh H quản lý, sử dụng. Sau khi ly hôn, chị N đồng ý giao xe nêu trên cho anh H quản lý, sử dụng và yêu cầu anh H trả lại cho chị N số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tại phiên hoà giải và tại phiên toà, chị N rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung để vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Phước H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Phước H thống nhất lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, thời gian chung sống. Anh H và chị N không có mâu thuẫn vợ chồng, nhưng do vợ chồng không còn tình cảm và chị N yêu cầu ly hôn nên anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 06/6/2014, hiện con chung đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn, anh H

yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp giao con chung cho chị N nuôi, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thúy N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con và chia tài sản. Bị đơn anh Nguyễn Phước H có địa chỉ tại phường 1, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Phước H được xác lập vào năm 2013, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Khánh Đông, thị xã Sa Đéc (nay là thành phố Sa Đéc), tỉnh Đồng Tháp vào ngày 18/11/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Phước H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị N yêu cầu được ly hôn với anh H, anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Tại phiên tòa, chị N và anh H thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn của chị N và anh H là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] Xét con chung: Chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Phước H thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 06/6/2014, hiện con chung đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi con vì từ nhỏ đến nay cháu sống với chị đã ổn định, chị đi làm gần nhà cũng có điều kiện chăm sóc tốt cho con. Hơn nữa, chị N sống chung với cha mẹ nên khi chị đi làm có cha, mẹ hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con. Còn anh H thì ở trọ, không tự nấu ăn ở nhà mà ăn cơm ở ngoài, mỗi tuần 03 ngày làm việc đến 23 giờ, nếu giao con cho anh H nuôi thì anh H không tự nấu ăn cho con, không thuận lợi trong việc chăm sóc con và đưa đón con đi học.

Tại phiên hoà giải, anh H yêu cầu nuôi con, nếu anh H được quyền nuôi con thì anh H sẽ giao cho chị ruột của anh H nuôi tại thành phố Cao Lãnh. Tại phiên tòa, anh H vẫn tiếp tục yêu cầu nuôi con, nếu giao con cho anh nuôi

thì anh sẽ đưa con đi học, không làm việc vào ban đêm và sẽ tự chăm sóc con, tự nấu ăn cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Gia B sống chung với chị N đã ổn định và phát triển tốt về mọi mặt, cháu còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của người mẹ Nều hơn. Hơn nữa, cháu B sống chung với mẹ tại nhà ông, bà ngoại nên có ông, bà ngoại hỗ trợ trong việc chăm sóc sẽ tốt hơn cháu sống với cha tại nhà trọ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 06/6/2014 cho chị N trực tiếp nuôi, hiện cháu B đang sống với chị N.

Cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc tự nguyện của anh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận sự tự nguyện của anh H, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 xe gắn máy hiệu Airblack, màu trắng, biển số 66P1-81702, trị giá 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng), trong số tiền dùng để mua xe có 10.000.000 đồng là tiền riêng của chị N, xe do chị N đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, xe do anh H quản lý, sử dụng. Chị N đồng ý giao xe nêu trên cho anh H quản lý, sử dụng và yêu cầu anh H trả lại cho chị N số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tại phiên hoà giải và tại phiên toà, chị N rút yêu cầu khởi kiện đối với tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị N đối với tài sản chung là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị N đối với tài sản chung.

[5] Xét nợ chung: Chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Phước H thống nhất vợ chồng không có nợ ai và không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Án phí: Chị Lê Thị Thúy N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Thúy N được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với yêu cầu chia tài sản.

Anh Nguyễn Phước H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 235 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Phước H.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thúy N về việc yêu cầu nuôi con: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 06/6/2014 cho chị Lê Thị Thúy N trực tiếp nuôi, hiện con chung đang sống với chị N.

Cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Phước H, anh Nguyễn Phước H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Tài sản chung: Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thúy N đối với tài sản chung.

Nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Lê Thị Thúy N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00392 ngày 27/10/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Chị Lê Thị Thúy N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00393 ngày 27/10/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (đối với yêu cầu chia tài sản).

Anh Nguyễn Phước H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Chị Lê Thị Thúy N và anh Nguyễn Phước H có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Chi cục THA TPCL;
- TAND tỉnh DT;
- UBND xã Tân Khánh Đông, TP. Sa Đéc;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh